

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

Tên gói thầu: Gói thầu số 1: đầu tư mua mới 01 xe ô tô phục vụ SXKD cho Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực VI

Dự án: Đầu tư mua mới 01 xe ô tô phục vụ SXKD

Vinh, năm 2020

BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

Số hiệu gói thầu và số thông báo
mời thầu: Số hiệu gói thầu: Gói thầu số 01
Số thông báo mời thầu:

Tên gói thầu:

Đầu tư mua mới 01 xe ô tô phục vụ SXKD
cho Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải
khu vực VI

Dự án:

Đầu tư mua mới 01 xe ô tô phục vụ SXKD

Phát hành ngày:

Ngày: 26/8/2020

Ban hành kèm theo Quyết định: Số: 343/QĐ-CTHTTHHKV VI ngày 26/8/2020

TM. TÔ CHUYÊN GIA LCNT
TÔ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hương

BÊN MỜI THẦU



Đào Mạnh Hà



MỤC LỤC

MÔ TẢ TÓM TẮT	Trang 4
TỪ NGỮ VIẾT TẮT	Trang 5
CHƯƠNG I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ	Trang 6
CHƯƠNG II. BIỂU MẪU DỰ THÀU VÀ DỰ THÀU	Trang 8
Mẫu số 1A (Webform trên Hệ thống)	Trang 9
Mẫu số 1B (Webform trên Hệ thống)	Trang 12
Mẫu số 2 (Webform trên Hệ thống)	Trang 13
Mẫu số 3 (Webform trên Hệ thống)	Trang 14
Mẫu số 4 (Webform trên Hệ thống)	Trang 15
CHƯƠNG III. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG	Trang 17

MÔ TẢ TÓM TẮT

Chương I. Yêu cầu nộp báo giá

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị báo giá. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, dịch vụ phi tư vấn áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh rút gọn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương II. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Bên mời thầu và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của yêu cầu báo giá và báo giá.

Chương này gồm 2 phần: một phần được đính kèm lên Hệ thống dưới dạng file Word/PDF; một phần được số hóa dưới dạng webform. Bên mời thầu và nhà thầu cần nhập các thông tin vào webform tương ứng phù hợp với gói thầu để phát hành yêu cầu báo giá và nộp báo giá trên Hệ thống.

Chương III. Dự thảo hợp đồng

Chương này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng. Các mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Thư bảo lãnh) do nhà thầu trúng thầu hoàn chỉnh trước khi hợp đồng có hiệu lực.

Chương này được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word do Bên mời thầu chuẩn bị theo mẫu.

1009
CỘI
HIỆ
TH
TIỀU
HU
H/

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

E-TBMT	Thông báo mời thầu
VND	đồng Việt Nam
Luật đấu thầu	Luật đấu thầu số 43/2013/QH13
Nghị định số 63/CP	Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014
Thông tư số 07	Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 08/9/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu qua mạng
Hệ thống	Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tại địa chỉ http://muasamcong.mpi.gov.vn
PDF	Định dạng tài liệu được cố định theo tiêu chuẩn của hãng Adobe Systems để tài liệu được hiển thị như nhau trên mọi môi trường làm việc
Excel	Định dạng tài liệu theo dạng bảng biểu của hãng Microsoft dùng trong việc tính toán, nhập dữ liệu
Word	Định dạng tài liệu theo dạng văn bản của hãng Microsoft dùng trong việc trình bày, nhập dữ liệu
Webform	Định dạng tài liệu theo dạng biểu mẫu nhập sẵn trên Hệ thống, thông qua mạng internet, tương tác giữa máy tính của người sử dụng và máy chủ của Hệ thống

CHƯƠNG I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

Mục 1. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Hạch toán tài chính độc lập;
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
3. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
5. Là doanh nghiệp cấp nhỏ hoặc siêu nhỏ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp trong trường hợp nhà thầu tham dự gói thầu xây lắp.

Mục 2. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc theo yêu cầu của yêu cầu báo giá vào các Mẫu trong Chương II.

Trường hợp tại cột "đơn giá" và cột "thành tiền" của một mục mà nhà thầu ghi là "0" thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với giá đã chào.

2. Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn chào hàng (chưa bao gồm giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong yêu cầu báo giá, giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giá trị giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu.

Mục 3. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng.
2. Biểu giá theo Mẫu trong Chương II.

Mục 4. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

10823
NG T
M H.
ANH
JHAN
VUC
T NC

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá.
2. Có giá chào thấp nhất và không vượt giá gói thầu được duyệt.

Mục 5. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng và được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định.

Mục 6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Điều 9 Chương III.

Mục 7. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Luật đấu thầu và Mục 2 Chương XII của Nghị định 63/CP.

CHƯƠNG II. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

Số	Biểu mẫu	Cách thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Bên mời thầu	Nhà thầu
I	Biểu mẫu cho gói thầu mua sắm hàng hóa			
1	Mẫu số 01A. Phạm vi cung cấp và tiền đợt thực hiện		X	
2	Mẫu số 01B. Các dịch vụ liên quan		X	
3	Mẫu số 02. Bảng đề xuất tiền đợt	Số hóa dưới dạng Webform		X
4	Mẫu số 03. Bảng giá dự thầu của hàng hóa		X	
5	Mẫu số 04. Bảng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan		X	
II	Đơn chào hàng			
1	Đơn chào hàng			X

PHẠM VI CUNG CẤP VÀ TIỀN ĐỘ THỰC HIỆN
(gói thầu mua sắm hàng hóa)

Bên mời thầu liệt kê chi tiết danh mục các hàng hóa yêu cầu cung cấp và tiền độ thực hiện gói thầu. Trong đó cần nêu rõ danh mục hàng hóa với số lượng, chủng loại yêu cầu và các mô tả, diễn giải chi tiết (nếu cần thiết).

Tiền độ thực hiện gói thầu

30 ngày

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Khối lượng mời thầu	Đơn vị	Mô tả hàng hóa (1)
1	Xe ô tô 07 chỗ	01	xe		<p>(1) Hàng hóa mới 100%, 02 cầu, sản xuất từ năm 2019 trở về sau, còn nguyên vẹn.</p> <p>(2) Hàng hóa có đặc điểm chung, cơ bản như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Màu sắc, kích thước và trọng lượng:</i> .Màu sắc thân xe: Trắng. .Kích thước tổng thể (D x R x C): $\geq 4.895 \times 1.865 \times 1.835$ mm. .Khoảng sáng gầm xe: ≥ 225 mm. .Chiều dài cơ sở: ≥ 2.850mm. .Trọng lượng không tải: ≥ 1.890 kg. .Sức chứa: 7 người. <p>- <i>Động cơ:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> .Loại động cơ: ≥ 4 xilanh thẳng hàng. .Dung tích xylyanh (CC): ≥ 2.488. .Công suất cực đại (ps/rpm): $\geq 166/6000$.

		<ul style="list-style-type: none"> . Momen xoắn cực đại (N.m/rpm): ≥ 241/4000. . Loại nhiên liệu: Xăng. <p>- <i>Truyền động và hệ thống treo:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> . Hộp số: ≥ 7 cấp với chế độ chỉnh tay. . Hệ thống truyền động: 2 cầu bán thời gian công tắc chuyển chế độ. . Hệ thống treo trước: độc lập, tay đòn kép với thanh cân bằng. . Hệ thống treo sau: 5 liên kết với thanh cân bằng. . Bán kính vòng quay tối thiểu: 5,7 . Khóa vi sai cầu sau: có - Ngoại thất: . Đèn pha: led, với chức năng tự động bật-tắt. . Đèn đèn Led chạy ban ngày: có . Đèn sương mù: có. . Gạt mưa phía trước: gián đoạn, cảm biến tốc độ. . Gương chiếu hậu ngoài xe: màu thân xe, tích hợp đèn báo rẽ, gấp và chỉnh điện. . Tay nắm cửa ngoài xe: Ma Crom, tích hợp khóa thông minh. . Cụm đèn hậu LED: có. - Nội thất: . Chia khóa thông minh & Nút ấn khởi động: có . Đồng hồ hiển thị chế độ lái: đo tốc độ, công tơ mét với màn hình hỗ trợ lại tiên tiến. . Hệ thống lái: loại tay lái - tay lái trợ lực dầu. . Ghế ngồi: ghế lái chỉnh điện 8 hướng với chức năng hỗ trợ xương sống . Hệ thống điều hòa: Tự động, 2 vùng độc lập với chức năng lọc bụi bẩn
--	--	---



	và hệ thống quạt gió cho hàng ghế sau
	. Đèn nội thất: có, 2 đèn ở 2 bên trần.
	. Đóng mở cửa sau tự động: có.
	. Lọc gió điều hòa: có.
- An toàn:	<ul style="list-style-type: none"> . Túi khí an toàn: 6 túi khí an toàn. . Hệ thống chống bó cứng phanh: có. . Hệ thống cảm biến áp suất lốp: có. . Hệ thống ABS, EBD, BA: có. . Hệ thống cân bằng điện tử: có. . Hệ thống kiểm soát hành trình: có. . Hệ thống khởi hành ngang dốc: có. . Hệ thống hỗ trợ đỗ xe: có. . Hệ thống khóa cửa trung tâm: có. . Chìa khóa ma hóa chống trộm: có. <p>(3) Nhà thầu phải có văn bản cam kết đáp ứng hoàn toàn tất cả điều kiện, điều khoản, phụ lục hợp đồng nêu trong Chương III - Dự thảo hợp đồng.</p>

Ghi chú: (1) Bên mồi thầu chỉ mô tả các đặc điểm chung, cơ bản nhất tại mục này.

CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN⁽¹⁾

Bên mời tàu liệt kê danh mục các dịch vụ liên quan để thực hiện gói thầu theo bảng sau:

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mồi thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
1	Ghi nội dung dịch vụ 1				
2	Ghi nội dung dịch vụ 2				
..					
n	Ghi nội dung dịch vụ n				

Ghi chú: (1) Trường hợp gói thầu không có yêu cầu dịch vụ liên quan thì Bên mời thầu không nhập Biểu này trên Hệ thống.



Mẫu số 2 (Webform trên Hệ thống)

BẢNG TIỀN ĐỘ THỰC HIỆN
(nhà thầu đê xuất)

Nhà thầu đê xuất tiến độ thực hiện phù hợp với yêu cầu của Bên mòi thầu:

STT	Thời gian thực hiện hợp đồng theo yêu cầu của bên mòi thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng do nhà thầu đê xuất
	<i>Trích xuất</i>	

Mẫu số 3 (Webform trên Hệ thống)

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA HÀNG HÓA
(nhà thầu đề xuất)

STT	Danh mục hàng hóa	Khối lượng mồi thầu	Đơn vị tính	Xuất xứ, ký mã hiệu, model, nhãn mác của sản phẩm		Đơn giá dự thầu	Thành tiền (Cột 3 x 6)
				5	4		
1	2	3	4	5	4	6	7
1	Hàng hóa thứ 1					M1	
2	Hàng hóa thứ 2					M2	
...							
n	Hàng hóa thứ n					Mn	
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)						(M)	

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4) Hệ thống tự động trích xuất từ Mẫu số 01A

Các cột (5), (6) nhà thầu chèo. Cột số (7) Hệ thống tự động tính.

28/09/2014
LÊ QUỐC HUY
CÔNG TY TNHH
CƠ KHÍ ĐA TẦM
CÔ NHII

Mẫu số 4 (Webform trên Hệ thống)

**BẢNG GIÁ DỰ THẦU CHO CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN (*)
(nhà thầu đề xuất)**

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
							(Cột 3 x 7)
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Ghi nội dung dịch vụ 1						II
2	Ghi nội dung dịch vụ 2						II
..							In
n	Ghi nội dung dịch vụ n						In
Tổng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có):							(1)
(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá dự thầu)							

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4), (5), (6) Hệ thống tự động trích xuất từ Mẫu số 01B.

Các cột (7) nhà thầu chào (bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí).

Cột (8) Hệ thống tự động tính.

(*) : Hệ thống tự động ẩn nếu không sử dụng bảng này.

ĐƠN CHÀO HÀNG⁽¹⁾

Ngày: _____ [tự trích xuất theo thời gian trên Hệ thống]

Tên gói thầu: _____ [tự trích xuất theo tên gói thầu trong E-TBMT]

Kính gửi: _____ [tự trích xuất theo tên Bên mời thầu trong E-TBMT]

Sau khi nghiên cứu yêu cầu báo giá, chúng tôi:

- Tên nhà thầu: _____ [tự trích xuất theo thông tin nhà thầu đã đăng ký trên Hệ thống];

- Số đăng ký kinh doanh: _____ [tự trích xuất theo thông tin nhà thầu đã đăng ký trên Hệ thống];

cam kết thực hiện gói thầu _____ [tự trích xuất tên gói thầu theo thông tin trong yêu cầu báo giá] với các thông tin chính như sau:

- Số E-TBMT: _____ [tự trích xuất theo số E-TBMT trong E-TBMT];

- Thời điểm đóng thầu: _____ [tự trích xuất theo thời điểm đóng thầu trong E-TBMT];

theo đúng yêu cầu nêu trong yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ [Hệ thống tự tổng hợp khi nhà thầu điền giá chào trong các biểu mẫu dự thầu trên Hệ thống] cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là _____ [Ghi tỷ lệ giảm giá].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: _____ [Hệ thống tự động tính].

Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [tự trích xuất theo biểu mẫu dự thầu].

Hiệu lực của báo giá: _____ [trích xuất theo E-TBMT]

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính hoặc đại diện liên danh trong trường hợp nhà thầu có liên danh.

2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ dự thầu là trung thực.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 9 Chương IV Dự thảo hợp đồng.

Ghi chú: (1) Đơn chào hàng đã được ký bằng chữ ký số của đại diện hợp pháp của nhà thầu khi nhà thầu nộp thầu qua mạng.

CHƯƠNG III. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

_____, ngày ___ tháng ___ năm ___

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]

- Căn cứ⁽²⁾ _____ [Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13];

- Căn cứ⁽²⁾ _____ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13];

- Căn cứ⁽²⁾ _____ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP];

- Căn cứ _____ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các
căn cứ pháp lý cho phù hợp];

- Căn cứ Quyết định số _____ ngày ___ tháng ___ năm ___ của _____
về việc phê duyệt lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] và thông
bao kết quả lựa chọn nhà thầu số _____ ngày ___ tháng ___ năm ___ của bên
mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu
trúng thầu ký ngày ___ tháng ___ năm ___;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư [Ghi tên chủ đầu tư]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số _____ ngày ___ tháng ___ năm ___ (trường
hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [Ghi tên nhà thầu trúng thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền).

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan theo danh mục được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Bản chào giá của nhà thầu;
5. Bản yêu cầu báo giá và các tài liệu sửa đổi, làm rõ (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa và dịch vụ liên quan như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ].

2. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán _____ [Cần cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thanh toán bằng tiền mặt, thư tín dụng, hoặc chuyển khoản...].

b) Thời hạn thanh toán _____ [Cần cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn thanh toán ngay hoặc trong vòng một số ngày nhất định kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Đồng thời, cần quy định cụ thể về chứng từ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật].

c) Số lần thanh toán _____ [Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định số lần thanh toán, có thể theo giai đoạn, theo phần công việc đã hoàn thành hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành toàn bộ hợp đồng].

Điều 6. Loại hợp đồng: Trọn gói

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau: _____ [Ghi các trường hợp mà hợp đồng có thể được điều chỉnh cho phù hợp với tính chất của gói thầu].

2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi hợp đồng, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng: Không áp dụng

Điều 10. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 11. Tính hợp lệ của hàng hóa

Bên B phải nêu rõ xuất xứ của hàng hóa; ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

Điều 12. Cung cấp, vận chuyển, kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa

1. Bên B phải cung cấp hàng hóa và giao các tài liệu, chứng từ (kèm theo) theo tiến độ nêu trong bản yêu cầu báo giá, cụ thể là:

. Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng, có xác nhận của Cục Đăng Kiểm Việt Nam.

- Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của Cục Đăng Kiểm Việt Nam cấp.

- Sách hướng dẫn sử dụng (xe).

- Sổ bảo hành.

Bên B cam kết và bảo đảm các tài liệu, chứng từ nói trên cung cấp cho Bên A là hợp lệ, hợp pháp, không giả mạo, đầy đủ theo quy định hợp đồng, quy định của pháp luật.

Bên A có quyền không chấp nhận tất cả hàng hóa do Bên B cung cấp mà không có nguồn gốc rõ ràng, không hợp pháp, không tuân thủ quy định pháp luật.

2. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: Bên B phải chịu mọi chi phí, trách nhiệm thực hiện và rủi ro trong suốt quá trình vận chuyển xe đến địa điểm giao hàng (xe ô tô 07 chỗ).

Địa điểm giao hàng: Tại trụ sở Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực VI - Số 41, đường Đinh Công Trứ, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

3. Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm:

- Hai bên cùng phối hợp kiểm tra giấy tờ liên quan, tình trạng kỹ thuật, chạy thử 20km và lập biên bản nghiệm thu trong 8 giờ làm việc.

- Điều kiện nghiệm thu: hai bên sẽ ký nghiệm thu khi Bên mời thầu (Bên mua) có đầy đủ các giấy tờ liên quan, tình trạng kỹ thuật của xe đạt yêu cầu.

Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối và Bên B phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Bên A không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Bên B.

Điều 13. Bản quyền và bảo hiểm hàng hóa

1. Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.

2. Hàng hóa do Bên B cung cấp phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình vận chuyển, lưu kho và giao hàng như

sau: _____ [Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này trên cơ sở đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật].

Điều 14. Bảo hành

1. Bên B bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới, chưa sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo và sẽ không có các khuyết tật này sinh dẫn đến bất lợi trong quá trình sử dụng hàng hóa.

2. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa như sau:

- Bên B chịu trách nhiệm bảo hành cho mỗi chiếc xe mới được bán và giao cho khách hàng mua lẻ về các khuyết điểm do vật liệu hay sản xuất trong điều kiện sử dụng và bảo dưỡng bình thường trong 3 năm hoặc 100.000 km, tùy điều kiện nào đến trước.

- Các Đại lý bán hàng ủy nhiệm sẽ tiến hành sửa chữa hay thay thế miễn phí các phụ tùng được kết luận là có sai hỏng trong giới hạn bảo hành (miễn phí cả về nhân công và phụ tùng thay thế). Tất cả các phụ tùng sai hỏng được thay thế bằng phụ tùng mới theo điều kiện bảo hành này sẽ trở thành tài sản của Bên B

- Các sửa chữa bảo hành phải do Đại lý bán hàng ủy nhiệm thực hiện. Đại lý bán hàng ủy nhiệm sẽ tiến hành dịch vụ bảo dưỡng theo yêu cầu của chủ xe và chủ xe phải trả cho các chi phí phát sinh.

- Chuyển bảo hành: các chủ xe đăng ký tiếp sau có thể được hưởng những quyền lợi của các phần bảo hành chưa hết hạn bằng cách hoàn thành phiếu đăng ký bảo hành cho chủ xe tiếp sau và gửi tới Bên B qua Đại lý bán hàng ủy nhiệm.

- Bên B bảo lưu quyền tiến hành bất cứ một thay đổi hay sửa đổi nào về thiết kế khi thấy cần thiết mà không cần thông báo.

- Ác-quy: thời hạn bảo hành bình ác-quy là 12 tháng hoặc 20.000 km tùy theo điều kiện nào đến trước.

Điều 15. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Điều 16. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết hợp đồng và Bên A nhận được bảo đảm thực hiện hợp đồng của Bên B.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 06 bộ, chủ đầu tư giữ 04 bộ, nhà thầu giữ 02 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ
THẦU**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU
TU'**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**PHỤ LỤC
BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG**

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở yêu cầu báo giá, báo giá và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Bảng giá tổng hợp]



